

414.1010339

4128

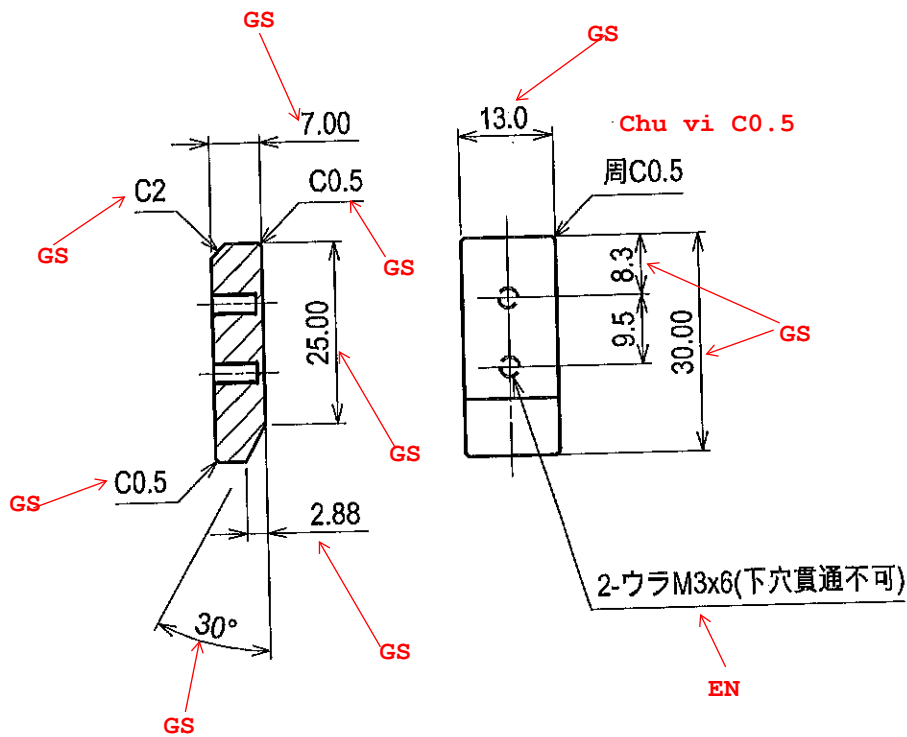
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2009/08/27			K.Shimegi	Y.Takahashi	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G ▽▽▽									

213 101 139A
20P



1212X0012

16/4 Co Reng

AT P



1200
500

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
K.Shimegi	Y.Takahashi	部品図 PART DRAWING		駒 (コマ / ゴマ) PIECE	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図		嵌塊	
HRC		部品図		嵌塊	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2009/08/27	1:1	 	S797928	

SNO: **S797928**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S797928	GS:35 EN:35 KT